

Hiệu trưởng duyệt

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

ĐỀ THI CUỐI KỲ
HỌC PHẦN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
Học kỳ 1, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Ngân hàng thương mại	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC30023	Mã nhóm lớp học phần: 231_71FINC30023_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân biệt được các quy định cơ chế hoạt động và các loại hình sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng thương mại.	Trắc nghiệm	48%	Câu 1 đến câu 15	4,8	PLO3.I
CLO 2	Sử dụng hồ sơ phù hợp khi thực hiện giao dịch tại ngân hàng	Tự luận	20%	Câu 26	2	PLO3.R
CLO 3	Vận dụng kiến thức tài chính và công nghệ để xử lý các nghiệp vụ ngân hàng	Trắc nghiệm	32%	Câu 16 đến câu 25	3,2	PLO4.I

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1).

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Ngân hàng thương mại	Số tín chỉ: 03
Mã học phần: 71FINC30023	Mã nhóm lớp học phần: 231_71FINC30023_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm, mỗi câu đúng được 0,32đ)

Câu 1: Khi vay vốn, ngân hàng yêu cầu khách hàng doanh nghiệp nộp cho ngân hàng các báo cáo tài chính của các thời kỳ gần nhất nhằm mục đích gì?

- A. Xem khách hàng có tình hình tài chính tốt hay không
B. Xem khách hàng có đang thiếu nợ ngân hàng hay không
C. Xem khách hàng có tài sản đảm bảo hay không
D. Xem khách hàng có hoạt động hợp pháp hay không

ANSWER: A

Câu 2: Loại nào sau đây thuộc tài sản Có trên bảng cân đối kế toán của ngân hàng thương mại?

- A. Cho vay
B. Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác
C. Vay các tổ chức tín dụng khác
D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu 3: Cho vay theo hạn mức thấu chi là gì?

- A. Là phương thức cho vay mà NH chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán.
B. Là phương thức cho vay mà NH chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi tiết kiệm.
C. Là phương thức cho vay mà NH chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn.
D. Không đáp án nào chính xác

ANSWER: A

Câu 4: Phát biểu nào dưới đây là một phát biểu chính xác khi so sánh sự khác nhau về mục đích vay vốn giữa cho vay ngắn hạn và cho vay dài hạn đối với doanh nghiệp?

- A. Cho vay ngắn hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp vào tài sản lưu động, trong khi cho vay dài hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào tài sản cố định.
- B. Cho vay ngắn hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào tài sản cố định, trong khi cho vay dài hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào tài sản lưu động.
- C. Cho vay ngắn hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào tài sản vô hình, trong khi cho vay dài hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào tài sản hữu hình.
- D. Cho vay ngắn hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào tài sản hữu hình, trong khi cho vay dài hạn nhằm mục đích tài trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào tài sản vô hình.

ANSWER: A

Câu 5:là số tiền mà tổ chức tín dụng phải gửi tại Ngân hàng Nhà nước để thực hiện chính sách tiền tệ Quốc Gia. Trên cơ sở đó, Ngân hàng thương mại không thể cho vay 100% nguồn vốn huy động.

- A. Dự trữ bắt buộc
- B. Dự phòng cụ thể
- C. Dự phòng rủi ro tín dụng
- D. Dự phòng chung

ANSWER: A

Câu 6: Lãi suất không phải là công cụ chính để ngân hàng thu hút loại tiền gửi nào dưới đây?

- A. Tiền gửi hoạt kỳ.
- B. Tiền gửi định kỳ.
- C. Tiền gửi tiết kiệm.
- D. Tiền gửi có kỳ hạn.

ANSWER: A

Câu 7: Nghiệp vụ nào sau đây không thuộc nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại?

- A. Nghiệp vụ phát hành thẻ ghi nợ
- B. Nghiệp vụ cho vay
- C. Nghiệp vụ bảo lãnh
- D. Nghiệp vụ cho thuê tài chính

ANSWER: A

Câu 8: Phát biểu nào dưới đây là phát biểu đúng về hoạt động cho thuê tài chính của ngân hàng?

- A. Cho thuê tài chính là hình thức cấp tín dụng không cần có tài sản đảm bảo.
- B. Cho thuê tài chính là hình thức cấp tín dụng mà tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- C. Cho thuê tài chính là hình thức cấp tín dụng mà tài sản đảm bảo là tài sản thế chấp.
- D. Cho thuê tài chính là hình thức cấp tín dụng mà tài sản đảm bảo là tài sản cầm cố.

ANSWER: A

Câu 9: Nghiệp vụ cấp tín dụng nào được ngân hàng tài trợ cho bên bán dưới hình thức mua lại các khoản phải thu?

- A. Nghiệp vụ bao thanh toán
- B. Nghiệp vụ cho vay
- C. Nghiệp vụ bảo lãnh
- D. Nghiệp vụ thấu chi

ANSWER: A

Câu 10: Phát biểu nào sau đây là điểm khác nhau giữa bảo lãnh và cho vay?

- A. Cho vay là nghiệp vụ nội bảng, bảo lãnh là nghiệp vụ ngoại bảng.
- B. Cho vay là nghiệp vụ cấp tín dụng, bảo lãnh là nghiệp vụ tài trợ.
- C. Cho vay là nghiệp vụ yêu cầu phải có tài sản đảm bảo, bảo lãnh không yêu cầu tài sản đảm bảo.
- D. Đối tượng cho vay là khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, đối tượng của bảo lãnh chỉ có khách hàng doanh nghiệp.

ANSWER: A

Câu 11: Nghiệp vụ cấp tín dụng nào ngân hàng không yêu cầu khách hàng có vốn đối ứng và tài sản đảm bảo?

- A. Nghiệp vụ cho thuê tài chính
- B. Nghiệp vụ bao thanh toán
- C. Nghiệp vụ chiết khấu giấy tờ có giá
- D. Nghiệp vụ bảo lãnh

ANSWER: A

Câu 12: Trường hợp có nhiều Séc được phát hành bởi một chủ tài khoản được nộp vào ngân hàng cùng một thời điểm thì ngân hàng thanh toán xác định thứ tự thanh toán:

- A. Số thứ tự Séc từ nhỏ đến lớn
- B. Séc có giá trị lớn đến nhỏ
- C. Séc có giá trị nhỏ đến lớn
- D. Số thứ tự Séc từ lớn đến nhỏ

ANSWER: A

Câu 13: Phát biểu nào sau đây là phát biểu SAI về phương thức thanh toán ủy nhiệm chi và ủy nhiệm thu?

- A. Đối với phương thức thanh toán ủy nhiệm chi, bên chi trả phải xuất trình với ngân hàng giấy ủy nhiệm chi kèm chứng từ hóa đơn, hợp đồng kinh tế và văn bản thỏa thuận phương thức thanh toán ủy nhiệm chi.
- B. Người đề nghị ngân hàng thanh toán ủy nhiệm chi là bên chi trả (bên mua), người đề nghị ủy nhiệm thu là bên thụ hưởng (bên bán)

C. Đối với phương thức thanh toán ủy nhiệm thu, bên thụ hưởng phải xuất trình với ngân hàng giấy ủy nhiệm thu kèm chứng từ hóa đơn, hợp đồng kinh tế và văn bản thỏa thuận phương thức thanh toán ủy nhiệm thu.

D. Trong trường hợp bên chi trả và bên thụ hưởng có tài khoản tại hai ngân hàng khác nhau, ngân hàng phục vụ bên chi trả có nhiệm vụ ghi nợ và báo nợ cho bên chi trả, ngân hàng phục vụ bên thụ hưởng ghi có và báo có cho bên thụ hưởng.

ANSWER: A

Câu 14: Nghiệp vụ ngoại bảng là?

A. Những nghiệp không được thể hiện trên bảng cân đối tài sản của ngân hàng.

B. Những nghiệp vụ không được phản ánh trên bảng báo cáo KQKD của ngân hàng.

C. Nghiệp vụ thấu chi và hoạt động dịch vụ của ngân hàng.

D. Nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động của ngân hàng.

ANSWER: A

Câu 15: Ngân hàng là loại ngân hàng được thực hiện toàn bộ hoạt động và các hoạt động khác có liên quan vì mục tiêu

A. Thương mại / ngân hàng / kinh doanh / lợi nhuận.

B. Trung gian / ngân hàng / kinh doanh / phi lợi nhuận.

C. Thương mại / tín dụng / tiền tệ / ổn định chính sách xã hội.

D. Trung ương / tín dụng / tiền tệ / lợi nhuận.

ANSWER: A

Câu 16: Công ty Thái Hà có tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng. Các nghiệp vụ phát sinh trong tài khoản tiền gửi thanh toán tháng 5/2023 của công ty Thái Hà như sau:

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Nghiệp vụ phát sinh	Số tiền
1/5/2023	Nhập lãi tiền gửi	2.000.000
10/5/2023	Thu tiền bán hàng	400.000.000
16/5/2023	Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	100.000.000
24/5/2023	Thanh toán lương cho nhân viên	120.000.000

- Số dư cuối ngày 30/4/2023 của công ty là 298.000.000 đồng.

- Ngân hàng tính lãi vào ngày cuối tháng, lãi suất không kỳ hạn là 0,5%/năm, cơ sở tính lãi quy ước một năm có 365 ngày.

Cho biết số dư trong tài khoản thanh toán của công ty Thái Hà vào đầu ngày 1/6/2023 là bao nhiêu?

A. 480.212.877 đồng

B. 481.127.726 đồng

C. 477.383.275 đồng

D. 496.726.274 đồng

ANSWER: A

Câu 17: Ngày 15/06/2023 ngân hàng A thực hiện chiết khấu trái phiếu cho khách hàng với các nội dung sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 200.000.000 đồng
- Ngày phát hành: 12/08/2021
- Ngày đáo hạn: 12/08/2023
- Lãi suất: 10%/năm, trả lãi đầu kì

Chính sách chiết khấu của ngân hàng A như sau:

- Lãi suất chiết khấu là 12%/năm
- Hoa hồng phí chiết khấu tính trên mệnh giá trái phiếu là 0,5%
- Số ngày quy ước một năm là 365 ngày

Yêu cầu: Tính số tiền ngân hàng A thanh toán cho khách hàng khi thực hiện chiết khấu trái phiếu này?

- A. 195.257.662 đồng
- B. 198.725.274 đồng
- C. 194.826.627 đồng
- D. 196.638.583 đồng

ANSWER: A

Câu 18: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu vay vốn ngắn hạn thường xuyên và có lịch sử trả nợ tốt thì có thể đề nghị ngân hàng cho vay theo phương thức nào?

- A. Cho vay theo hạn mức tín dụng
- B. Cho vay dự án đầu tư
- C. Cho vay lưu vụ
- D. Cho vay hợp vốn

ANSWER: A

Câu 19: Giả sử có 30 Ngân hàng tham gia vào quá trình tạo tiền với lượng tiền gửi ban đầu là 4.000 tỷ đồng. Hãy tính lượng tiền bút tệ được tạo ra? Biết rằng tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%.

- A. 38.304,35 tỷ đồng
- B. 38.314,35 tỷ đồng
- C. 38.304,53 tỷ đồng
- D. 38.314,53 tỷ đồng

ANSWER: A

Câu 20: Sự khác nhau giữa phương thức cho vay theo món và cho vay theo hạn mức tín dụng là gì?

- A.** Cho vay theo món khách hàng phải làm hồ sơ tín dụng mỗi khi có nhu cầu vay vốn, trong khi cho vay theo hạn mức khách hàng chỉ làm hồ sơ tín dụng một lần vào đầu kỳ kế hoạch.
- B.** Cho vay theo món phải lập giấy đề nghị vay vốn, trong khi cho vay theo hạn mức tín dụng không cần lập đề nghị vay vốn.
- C.** Cho vay theo món là cho vay theo nhu cầu khách hàng, trong khi cho vay theo hạn mức là cho vay theo khả năng của ngân hàng.
- D.** Cho vay theo món là cho vay của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong khi cho vay theo hạn mức tín dụng là cho vay của ngân hàng thương mại.

ANSWER: A

Câu 21: Một khoản vay bị nợ quá hạn tại NHTM A có các thông tin sau:

- Nợ gốc quá hạn: 2,5 tỷ đồng
- Thời gian quá hạn: Từ 15/02/2019 đến 15/5/2019
- Tài sản đảm bảo của khoản vay này là bất động sản, giá trị bất động sản do ngân hàng định giá là 3,4 tỷ đồng.

Hãy tính số tiền mà NHTM A phải trích lập dự phòng cụ thể cho khoản vay này biết rằng tỷ lệ khấu trừ đối với bất động sản là 50%.

- A.** 40 triệu đồng
- B.** 60 triệu đồng
- C.** 90 triệu đồng
- D.** 180 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 22: Khách hàng A ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng M với các nội dung sau:

- Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng
 - Thời gian vay: 2 năm
 - Lãi suất: 10%/năm
 - Phương thức trả nợ: Nợ vay thanh toán cuối mỗi 6 tháng theo phương thức kỳ khoản giảm dần
- Tổng số tiền gốc và lãi khách hàng A phải thanh toán cho ngân hàng ở kỳ thứ 2 là bao nhiêu? Biết rằng cơ sở tính lãi dựa trên quy ước một năm có 365 ngày.

- A.** 575.000.000 đồng
- B.** 537.000.000 đồng
- C.** 615.000.000 đồng
- D.** 648.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 23: Một dự án đầu tư có tổng nhu cầu vốn là 10.000.000.000 đồng được ngân hàng chấp thuận tài trợ 70% nhu cầu vốn. Lãi suất áp dụng trong suốt thời hạn vay là 0,9%/tháng. Tiền vay được giải ngân thành 3 đợt:

Đợt	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân
1	5/11/2020	20%
2	10/1/2021	30%
3	15/3/2021	Số tiền còn lại

Dự án hoàn thành được nghiệm thu ngày 20/5/2021. Hợp đồng tín dụng quy định lãi vay thi công nhập vào vốn gốc, lãi vay thi công tính luôn ngày hoàn công, cơ sở tính lãi dựa trên quy ước một năm có 365 ngày.

Hãy tính dư nợ sau thời điểm nghiệm thu của dự án?

- A. 7.232.392.329 đồng
- B. 7.230.321.096 đồng
- C. 10.329.030.137 đồng
- D. 10.331.989.041 đồng

ANSWER: A

Câu 24: Vào ngày 25/12/2020 công ty HL mang 100 trái phiếu chính phủ đến ngân hàng A đề nghị chiết khấu, thông tin chứng từ xin chiết khấu như sau:

- Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 2 năm
- Ngày phát hành: 10/02/2019
- Ngày đến hạn: 10/02/2021
- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu
- Lãi suất phát hành: 9%/năm, trả lãi định kỳ cuối mỗi quý

Sau khi thẩm định lô trái phiếu này, ngân hàng A đã đồng ý nhận chiết khấu ngay trong ngày với lãi suất chiết khấu 12%/năm, hoa hồng phí là 0,5% trên mệnh giá trái phiếu.

Hãy tính số tiền ngân hàng thanh toán cho khách hàng khi thực hiện nghiệp vụ chiết khấu này? Biết rằng cơ sở tính lãi dựa trên quy ước một năm có 365 ngày.

- A. 100.212.281 đồng
- B. 100.194.070 đồng
- C. 97.978.308 đồng
- D. 99.145.368 đồng

ANSWER: A

Câu 25: Ngân hàng thương mại A quy định ngày chốt sao kê thẻ tín dụng là ngày 20 hàng tháng, ngày thu nợ là ngày 5 của tháng sau, khách hàng thanh toán sau ngày 5 sẽ chịu mức lãi vay là 2%/tháng. Nhân viên Ngân hàng tư vấn khách hàng sử dụng thẻ để thanh toán chi tiêu vào ngày nào có lợi nhất cho khách hàng?

- A. Ngày 21 hàng tháng
- B. Ngày 19 hàng tháng

C. Ngày 5 hàng tháng

D. Ngày 6 hàng tháng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Câu 26:

- **Phân biệt phương thức cho vay từng lần và cho vay theo hạn mức tín dụng (1 điểm)**

- **Nêu 4 lợi ích của khách hàng vay vốn khi được ngân hàng cho vay theo hạn mức tín dụng (1 điểm)**

Đáp án:

Cho vay từng lần: là phương thức cho vay mà mỗi lần cho vay TCTD và khách hàng thực hiện thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng. Mỗi lần vay mỗi lần ký hợp đồng tín dụng; Các điều kiện cho vay được xác định độc lập cho từng lần vay; Vốn tín dụng được xác định theo từng PAKD của khách hàng, đáp ứng nhu cầu vốn cần thiết thực hiện từng hợp đồng kinh tế, từng mục đích cụ thể (0,5 đ)

Cho vay theo hạn mức tín dụng: là phương thức cho vay TCTD xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định; Khách hàng chỉ lập hồ sơ vay 1 lần vào đầu kỳ kế hoạch; Giải ngân và thu nợ nhiều lần trong kỳ tín dụng; Ngân hàng thu nợ khi có phát sinh có trong tài khoản thanh toán. (0,5 đ)

Khách hàng hưởng nhiều lợi ích khi được ngân hàng cấp hạn mức tín dụng. Dưới đây là một số lợi ích chính của việc vay vốn theo hạn mức tín dụng (sinh viên được 0,25đ khi nêu được 1 lợi ích)

1) Linh hoạt tài chính: Hạn mức tín dụng tạo ra sự linh hoạt cho khách hàng về việc sử dụng tiền. Họ có thể sử dụng chỉ một phần của hạn mức nếu cần, giúp quản lý tài chính một cách hiệu quả hơn.

2) Tiết kiệm chi phí: Khách hàng chỉ trả lãi cho số tiền họ thực sự sử dụng, giúp tiết kiệm chi phí nếu họ không sử dụng hết hạn mức.

3) Đáp ứng tình huống khẩn cấp: Mỗi lần giải ngân khách hàng không cần phải làm thủ tục vay vốn từ đầu nên .

4) Đáp ứng nhu cầu vốn khẩn cấp và tiết kiệm thời gian: Hạn mức tín dụng giảm bớt thủ tục vay vốn. Khách hàng có thể tiết kiệm thời gian và giải quyết nhu cầu vốn một cách nhanh chóng.

5) Đàm phán lãi suất: Trong một số trường hợp, khách hàng có thể đàm phán lãi suất tốt hơn khi vay theo hạn mức tín dụng, đặc biệt nếu họ có lịch sử tài chính tốt và độ tin cậy cao với ngân hàng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

TS. MAI THỊ PHƯƠNG THÙY

THS. PHẠM THỊ NGỌC LAN